

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **51** /GP-UBND

Quảng Ngãi, ngày **10** tháng 9 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của UBND tỉnh về việc cho phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (Hoạt động nạo vét lòng hồ Hồ chứa nước Ông Tới, xã Đức Lâm, thị xã Đức Phổ);

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật nạo vét đất, cát bồi lấp trong công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa;

Xét hồ sơ và Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình ngày 08/6/2020 của Công ty TNHH Xây dựng và Quảng cáo Hồng Sang nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 3087/STNMT-KS ngày 01/9/2020, kèm theo Báo cáo thăm định hồ sơ số 3086/STNMT-TĐKS ngày 01/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Xây dựng và Quảng cáo Hồng Sang được khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (Mã nhóm loại tài nguyên: II50202) và cát làm vật liệu san lấp (Mã nhóm loại tài nguyên: II501) bằng phương pháp lộ thiên trong diện tích dự án nạo vét đất, cát bồi lấp công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa tại vị trí số 4 (Từ K20+550÷K20+867) và vị trí số 5 (Từ K23+650,7÷K26+068,2) thuộc phường Phổ Quang và phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích khu vực khai thác: 87.068 m² (8,7068 ha) nằm trong phạm vi giới hạn bởi các điểm góc từ M1 đến M69 có toạ độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

- Mức sâu khai thác: Từ mức 0m đến mức 1,94m.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 62.499,2m³, trong đó:

+ Cát làm vật liệu xây dựng thông thường: 5.000 m³;

+ Cát làm vật liệu san lấp: 57.499,2 m³.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Công suất khai thác: 20.833,06 m³/năm.

- Loại sản phẩm: Cát làm vật liệu xây dựng thông thường và cát làm vật liệu san lấp.

- Thời gian cấp phép khai thác: 03 năm (Ba năm), kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 2. Công ty TNHH Xây dựng và Quảng cáo Hồng Sang chịu trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định phê duyệt của UBND tỉnh và trước khi nhận Giấy phép khai thác khoáng sản này.

3. Tiến hành hoạt động khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường và cát làm vật liệu san lấp trong diện tích dự án nạo vét đất bồi lấp công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa tại vị trí số 4 (Từ K20+550÷K20+867) và vị trí số 5 (Từ K23+650,7÷K26+068,2) thuộc phường Phổ Quang và phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Đức Phổ, UBND các phường: Phổ Quang và Phổ Văn

để kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật (nếu có).

5. Thực hiện đầy đủ nội dung về Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án “Nạo vét đất, cát bồi lấp trong công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoá” đã được xác nhận và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định (nếu có).

6. Trong quá trình nạo vét, khai thác phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong nạo vét, khai thác.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm nạo vét, khai thác trong diện tích dự án nạo vét đất, cát bồi lấp công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoá tại vị trí số 4 (Từ K20+550÷K20+867) và vị trí số 5 (Từ K23+650,7÷ K26+068,2) và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự khu vực khai thác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc phục hồi môi trường, đất đai sau nạo vét, khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 1489/BC-SNNPTNT ngày 15/6/2020 về việc báo cáo thẩm định Phương án kỹ thuật nạo vét đất, cát bồi lấp trong công trình Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoá và các nội dung quy định tại Điều 2 Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh; đồng thời kiểm tra, giám sát khối lượng nạo vét, khai thác khoáng sản để làm cơ sở cho việc thực hiện các

nghĩa vụ tài chính cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác Công ty TNHH Xây dựng và Quảng cáo Hồng Sang phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; thực hiện đăng ký kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành, kế hoạch khai thác tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, PCT TT UBND tỉnh;
- Tổng cục ĐC và KS Việt Nam;
- Cục Kiểm soát HĐ KS Miền Trung;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND thị xã Đức Phổ;
- UBND các phường: Phổ Quang, Phổ Văn;
- Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Quảng Ngãi;
- Công ty TNHH XD và Quảng cáo Hồng Sang;
- VPUB: CVP, PCVP (NN), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc413).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1



RANH GIỚI TỌA ĐỘ KHU VỰC THUÊ ĐẤT VÀ KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 51/GP-UBND
ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh)

Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực 108, múi chiếu 3 ⁰)					
Điểm	X(m)	Y(m)	Điểm	X(m)	Y(m)
M1	1645010.54	601135.15	M29	1643219.20	603419.88
M2	1645076.14	601054.23	M30	1643174.22	603431.42
M3	1645141.56	600956.00	M31	1643586.05	604033.67
M4	1645138.31	600948.21	M32	1643478.14	604072.63
M5	1645065.56	601047.39	M33	1643392.77	604098.85
M6	1645003.57	601128.21	M34	1643271.35	604145.01
M7	1644930.90	601178.47	M35	1643117.79	604326.04
M8	1642852.15	603495.17	M36	1643044.66	604355.43
M9	1642858.78	603529.87	M37	1642981.15	604371.52
M10	1643226.12	603454.03	M38	1642903.12	604370.43
M11	1643253.76	603453.47	M39	1642839.53	604366.15
M12	1643325.63	603439.03	M40	1642771.12	604359.84
M13	1643362.04	603451.14	M41	1642741.80	604377.13
M14	1643385.87	603468.32	M42	1642726.49	604406.19
M15	1643460.72	603507.00	M43	1642686.31	604410.17
M16	1643495.42	603527.09	M44	1642649.17	604442.35
M17	1643530.12	603519.61	M45	1642639.29	604470.81
M18	1643563.46	603519.27	M46	1642656.35	604527.69
M19	1643588.68	603507.17	M47	1642661.42	604574.03
M20	1643636.91	603479.24	M48	1642716.65	604559.96
M21	1643630.01	603463.72	M49	1642692.92	604460.44
M22	1643570.65	603489.98	M50	1642697.38	604445.00
M23	1643529.02	603497.47	M51	1642710.15	604435.25

M24	1643499.84	603487.49	M52	1642743.78	604422.08
M25	1643390.45	603429.18	M53	1642797.46	604397.13
M26	1643359.38	603414.89	M54	1642854.52	604413.61
M27	1643324.50	603412.73	M55	1642899.35	604419.41
M28	1643232.53	603417.06	M56	1642960.76	604435.01
M57	1643063.57	604401.77	M64	1643505.06	604092.14
M58	1643103.78	604396.44	M65	1643591.81	604086.17
M59	1643149.56	604364.36	M66	1642695.85	604627.79
M60	1643201.00	604313.60	M67	604687.59	1642686.61
M61	1643248.01	604259.74	M68	604679.02	1642739.85
M62	1643305.69	604189.36	M69	604619.70	1642727.62
M63	1643411.73	604136.29			
<i>Diện tích: 8,7068 ha (trong đó diện tích thuộc phường Phổ Quang là 6,0791ha và diện tích thuộc phường Phổ Văn là 2,6277ha)</i>					